

2026



FROM



Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Louisiana Healthcare Connections là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Louisiana Healthcare Connections được xem xét ít nhất hàng quý và cập nhật hàng tháng. Những thay đổi tích cực trong danh mục thuốc, chẳng hạn như bổ sung sản phẩm vào danh mục thuốc, loại bỏ các hạn chế về quản lý sử dụng (Sự Ủy Quyền Trước, Giới Hạn Số Lượng, v.v.), có thể diễn ra hàng tháng. Những thay đổi tiêu cực trong danh mục thuốc, chẳng hạn như loại bỏ sản phẩm ra khỏi danh mục thuốc và bổ sung các kỹ thuật quản lý sử dụng sẽ chỉ diễn ra vào đầu mỗi năm phúc lợi mới. Nếu quý vị bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi tiêu cực trong danh mục thuốc, quý vị sẽ được thông báo bằng văn bản ít nhất 60 ngày trước khi sự thay đổi đó diễn ra.

SỬ DỤNG DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Louisiana Healthcare Connections gồm hai phần. Phần đầu tiên của danh mục thuốc liệt kê các loại thuốc được đài thọ theo bệnh trạng mà chúng điều trị. Quý vị có thể sử dụng phần này để tìm kiếm một cách nhanh chóng tất cả các loại thuốc mà chúng tôi đài thọ cho bệnh trạng cụ thể của quý vị. Phần thứ hai của danh mục thuốc liệt kê tất cả các sản phẩm theo thứ tự bảng chữ cái. Quý vị có thể sử dụng phần này của danh mục thuốc để tra cứu loại thuốc cụ thể của quý vị theo tên. Các sản phẩm được liệt kê trong danh mục thuốc theo nhiều bậc, mỗi bậc tương ứng với khoản đồng thanh toán hoặc khoản đồng bảo hiểm liên quan mà quý vị có thể chịu trách nhiệm chi trả. Chú thích trong danh sách thuốc dưới đây cung cấp thông tin tổng quan về các bậc thuốc.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường. Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Một số giới hạn nhất định được áp dụng.

- Bậc 1_A** -Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** -Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Danh mục thuốc này chứa các thông tin quan trọng khác. Các hạn chế về quản lý sử dụng như Sự Ủy Quyền Trước, Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước, Giới Hạn Số Lượng, Giới Hạn Độ Tuổi và các hạn chế khác được mô tả bên cạnh mỗi sản phẩm.

Sự Ủy Quyền Trước

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có từ viết tắt PA bị hạn chế bởi yêu cầu về Sự Ủy Quyền Trước. Trước khi nhận được loại thuốc này, nhà cung cấp của quý vị sẽ phải gửi yêu cầu tới Ambetter from Louisiana Healthcare Connections để phê duyệt sản phẩm này cho quý vị.

Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có từ viết tắt ST bị hạn chế bởi yêu cầu Liệu Pháp Từng Bước. Nếu quý vị đã thử dùng sản phẩm được yêu cầu trước khi yêu cầu mua thuốc bị hạn chế bởi ST, yêu cầu thanh toán của quý vị sẽ được xử lý. Nếu chúng tôi không có hồ sơ cho thấy quý vị đã thử dùng sản phẩm được yêu cầu, người kê toa của quý vị có thể liên hệ với Ambetter from Louisiana Healthcare Connections để được chấp thuận

Giới Hạn Số Lượng

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có từ viết tắt QL bị giới hạn bởi yêu cầu Giới Hạn Số Lượng. Chúng tôi liệt kê từng giới hạn số lượng theo đơn vị có thể đạt được trong một khoảng thời gian (tức là 2 viên mỗi ngày).

Giới Hạn Độ Tuổi

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có chữ viết tắt AL được giới hạn ở một số độ tuổi nhất định. Chúng tôi liệt kê từng giới hạn độ tuổi dựa trên sự phê duyệt của FDA đối với các loại thuốc.

Không thuộc danh mục thuốc

Các loại thuốc được liệt kê trong danh mục thuốc có chữ viết tắt NF là các thuốc không thuộc danh mục thuốc. Để có thể tiếp cận các loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, người kê toa của quý vị có thể liên hệ với Ambetter from Louisiana Healthcare Connection để xin chấp thuận. Thông tin thêm được cung cấp trong phần dưới đây.

SỰ ỦY QUYỀN TRƯỚC ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUỐC KHÔNG THUỘC DANH MỤC THUỐC

Để có được ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

CÔNG BỐ CHI PHÍ VƯỢT TRỘI

Mọi khoản tiết kiệm hoặc tiền hoàn trả mà chúng tôi nhận được từ chi phí thuốc mua theo hợp đồng này từ các nhà sản xuất thuốc đều được sử dụng để ổn định giá cả. Quý vị có thể phải chịu gánh nặng chi phí tiêu dùng vượt trội khi các thuốc theo toa được đài thọ được mua theo hợp đồng này.

TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ ĐỐI VỚI PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU TỪNG BƯỚC

Chúng tôi sẽ cấp ngoại lệ cho phương pháp trị liệu từng bước hoặc phác đồ "thất bại trước" khi:

- (1) Bác sĩ kê toa có thể chứng minh với chương trình bảo hiểm y tế, dựa trên bằng chứng lâm sàng hợp lý, rằng phương pháp điều trị ưu tiên cần có trong phương pháp trị liệu từng bước hoặc phác đồ thất bại trước đã không hiệu quả trong việc điều trị bệnh hoặc tình trạng y tế của người được bảo hiểm.
- (2) Bác sĩ kê toa có thể chứng minh cho chương trình bảo hiểm sức khỏe, dựa trên bằng chứng lâm sàng hợp lý, rằng phương pháp điều trị ưu tiên cần có trong phương pháp trị liệu từng bước hoặc phác đồ thất bại trước được cho là sẽ không hiệu quả dựa trên các đặc điểm thể chất hoặc tinh thần liên quan đã biết và tiền sử bệnh của người được bảo hiểm và các đặc điểm đã biết của chế độ dùng thuốc.
- (3) Bác sĩ kê toa có thể chứng minh cho chương trình bảo hiểm sức khỏe, dựa trên bằng chứng lâm sàng hợp lý, rằng phương pháp điều trị ưu tiên cần có theo phương pháp trị liệu từng bước hoặc phác đồ thất bại trước sẽ gây ra hoặc có khả năng gây ra phản ứng bất lợi hoặc tổn hại thể chất khác cho người được bảo hiểm.

Để được cấp ngoại lệ đối với Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước, nhà cung cấp của quý vị có thể tuân theo quy trình Ủy Quyền Trước thông thường.

Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	3	PA
RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	3	PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Gold Compounds		
AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	QL(20 ML per 28 day(s) retail; 20 ML per 28 days mail); SP; PA
ACTEMRA SOSY	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
celecoxib	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)	SUBSYS LIQD 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
METHADONE HCL SOLN IJ (<i>methadone hcl</i>)	1B		<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)	Opioid Combinations		
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	Opioid Partial Agonists		
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methylestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 30 MG/ML</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	C; QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 GM daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	C; QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
<i>SPIRIVA RESPIMAT AERS IN</i>	2	C; QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	C; QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>zafirlukast</i>	1B	C; QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	C; QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	C
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	C; QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	C
QVAR REDHALER	2	C
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER	3	
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	C
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	C; QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	2	C
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BREZTRI AEROSPHERE	2	C; QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	C
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT</i>	1B	C
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	C
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	C; QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	C; QL(18 ML daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	C
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	C; QL(0.5 GM daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLIK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	C
STIOLTO RESPIMAT	2	C
STRIVERDI RESPIMAT	2	C
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	C
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	C
TRELEGY ELLIPTA	2	C; QL(2 EA daily)
<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	C; QL(2 EA daily)
Xanthines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	C; QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	C
<i>theophylline TB24</i>	1B	C
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA	<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A		DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DILANTIN	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	D+/C
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	D/C
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	D+/C
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	D/C
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	D+/C
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	D/C
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	D/C
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	D+/C
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	D/C
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	D+; QL(2.5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	D+; QL(5 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	D+; QL(3 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Diabetic Other		
SOLQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>diazoxide</i>	3	
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	D+; QL(0.035 EA daily)
			Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
			<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
			JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
			<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Incretin Mimetic Agents			NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	D
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily); PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	D
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	D
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	D
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA	NOVOLOG SOLN IJ	1B	D
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA	REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
Insulin			TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	D
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	TRESIBA SOLN	2	D
APIDRA SOLN	3	PA	Insulin Sensitizing Agents		
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)	<i>pioglitazone hcl</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)	Meglitinide Analogues		
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2		<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B		<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B		<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	D	FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	D	JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	D	Sulfonylureas		
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	D	<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
NOVOLIN N SUSP	2	D	<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
			<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
			<i>glipizide TB24</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)	<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)	<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA	<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections			<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ML daily)
Antifungals			Antihistamines - Non-Sedating		
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>flucytosine</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>loratadine CHEW</i>	1B	
Imidazole-Related Antifungals			<i>loratadine SOLN</i>	1B	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>fluconazole SUSP</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		QUZYTIR SOLN IV	3	PA
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	Antihistamines - Phenothiazines		
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
TOLSURA CAPS	4	PA	Antihistamines - Piperidines		
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>cypheptadine hcl SYRP</i>	1B	
ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>cypheptadine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily); PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pravastatin sodium</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	D+
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	D+
<i>fosinopril sodium</i>	1B	D+
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	D+
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ramipril CAPS</i>	1B	D+	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	D+
<i>irbesartan</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	D+
<i>losartan potassium</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	D+; QL(8 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	D+
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	D+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohydrate macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		LOQTORZI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		RUXIENCE	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	YERVOY	4	SP; PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
MVASI	4	PA	DAURISMO	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
			<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
			<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
			<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 EA daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
ORGOVYX	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA
KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TAFINLAR TBSO	4	QL(30 EA daily); PA
KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	TAZVERIK	4	PA
KYPROLIS	4	PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	TURALIO 125 MG	4	PA
LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	4	QL(40 ML daily); PA	XOSPATA	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
			ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
			ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
arsenic trioxide 10 MG/10ML	4	SP; PA
bexarotene	4	SP; PA
hydroxyurea	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
tretinoin (chemotherapy)	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
leucovorin calcium SOLR	1B	
leucovorin calcium TABS	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
docetaxel CONC 20 MG/ML	4	SP; PA
eribulin mesylate	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
etoposide CAPS	4	SP; PA
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	4	PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	4	SP; PA
paclitaxel protein-bound particles	4	SP; PA
vincristine sulfate	4	SP; PA
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA
topotecan hcl SOLN	4	
topotecan hcl SOLR	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
carbidopa	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
benztropine mesylate TABS	1B	
trihexyphenidyl hcl SOLN	1B	
trihexyphenidyl hcl TABS	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
entacapone	1B	QL(8 EA daily)
tolcapone	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
amantadine hcl CAPS	1B	
amantadine hcl SOLN	1B	
amantadine hcl TABS	1B	
apomorphine hydrochloride SOCT	4	PA
bromocriptine mesylate CAPS	1B	
bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	1B	
carbidopa-levodopa-entacapone	1B	
carbidopa-levodopa TABS	1B	
carbidopa-levodopa TBCR	1B	
carbidopa-levodopa TBDP	1B	
NEUPRO	2	
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	1B	

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		<i>darunavir TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		DESCOVY 200 MG-25 MG	3	
<i>perphenazine TABS</i>	1B		DOVATO	3	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Quinolinone Derivatives			<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
REXULTI	3	PA	<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Thioxanthenes			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>thiothixene</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
Antiretrovirals			<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
CABENUVA	3				
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
JULUCA	3	QL(1 EA daily)
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
SYMTUZA	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY PD TBSO	3	
TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ PD TBSO	3	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SOVALDI TABS 400 MG	3	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	D+
Herpes Agents			<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	D+; QL(8 EA daily)
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)	Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>atenolol TABS</i>	1A	D+
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	D+
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	D+
Influenza Agents			<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	D+
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail	<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	Beta Blockers Non-Selective		
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
Alpha-Beta Blockers			<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>carvedilol</i>	1A	D+	<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>pindolol TABS</i>	1B	
			<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
			<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
			<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
			<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
			<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	D+
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	D+
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	D+
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	D+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>ORENITRAM TBCR</i>	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<i>TYVASO REFILL KIT SOLN IN</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail; 9 EA per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Copper Contraceptives - IUD		
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	0	
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Progestin Contraceptives - Implants			<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
NEXPLANON	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			MEDROL TABS	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - IUD			<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B	
KYLEENA	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
LILETTA (52 MG)	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
MIRENA (52 MG)	0		<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
SKYLA	0		<i>prednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
OPIII	0		<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisone TBPk</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>triamcinolone acetanide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		Mineralocorticoids		
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		Antitussives		
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)	ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
Antibiotics - Topical			<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA	<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
Antifungals - Topical			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)			
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)			
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
Antipruritics - Topical			PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antipsoriatics			PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA			
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
Burn Products			<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
Corticosteroids - Topical					
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
Diagnostic Tests			DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
CHEMSTRIP K STRP	1B	D	Carbonic Anhydrase Inhibitors		
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	D	<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	D	<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	D	<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
KETONE TEST STRP	1B	D	<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
KETOSTIX STRP	1B	D	<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	D	Diuretic Combinations		
PRECISION XTRA KETONE	1B	D	<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	D	<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC	<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC	<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes			Loop Diuretics		
Digestive Enzymes			<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
			<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
			<i>furosemide TABS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ML daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUEL PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Azithromycin			FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
<i>azithromycin PACK</i>	1B		FANTASY LUBRICATED MISC	0	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B		FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)	FEMCAP DEVI	0	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)	KAMELEON LUBRICATED MISC	0	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)	KIMONO COLORS DEVI	0	
Clarithromycin			KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B		KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B		KIMONO PLUS MISC	0	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B		KIMONO PS PLUS MISC	0	
Erythromycins			KIMONO PS MISC	0	
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO SENSATION MISC	0	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO SPECIAL DEVI	0	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO MISC	0	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		MAXX PLUS MISC	0	
Fidaxomicin			MAXX MISC	0	
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B		REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
Contraceptives			REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0		TROJAN BARESKIN DEVI	0	
CAYA DPRH	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0				
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0				
DUREX TROPICAL MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TRUE COVER DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0		Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	D; RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		RELION LANCET DEVICES 30G	1B	D; RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		RELION LANCETS	1B	D; RX/OTC
			SELECT LANCETS	1B	6.66/day
			SELECT LANCETS	1	6.66/day
			TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	D

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Parenteral Therapy Supplies			Migraine Products		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC	ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC	Serotonin Agonists		
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	D; QL(5 EA daily)	<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #	<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day	<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail); ST	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST			
Migraine Combinations					
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)			
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	IONOSOL-MB IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-M IN D5W	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
Bicarbonates			<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		<i>ringer's</i>	1B	
Calcium			Fluoride		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
Electrolyte Mixtures			Phosphate		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
			Potassium		
			<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
			<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		PROGRAF PACK	2	PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
Chelating Agents			SIMULECT	3	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
AZATHIOPRINE SODIUM	1B		Potassium Removing Agents		
<i>azathioprine TABS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B		Anesthetics Topical Oral		
			<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)	MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
Anti-infectives - Throat			MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>clotrimazole</i>	1B		M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Dental Products			NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTIVITAMINS			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)			
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG- 1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML</i>	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlorthalidoxepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fingolimod hcl</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
QUADRACEL SUSP	0		Proton Pump Inhibitors		
QUADRACEL SUSY	0		<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
TDVAX SUSP	0		<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0		<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0		<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
VAXELIS SUSP	0		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
VAXELIS SUSY	0		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions			NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
Antispasmodics			<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B		Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		Ulcer Therapy Combinations		
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
H-2 Antagonists			<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)			
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC			
<i>nizatidine CAPS</i>	1B				
Misc. Anti-Ulcer					
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)			
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)	PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B		PREVNAR 13	0	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B		PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B		TRUMENBA 0.5 ML	0	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	Viral Vaccines		
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B		ABRYSVO	0	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists			AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA	AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			AREXVY	0	
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AUDENZ EMUL	0	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	AUDENZ PRSY	0	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
<i>flavoxate hcl</i>	1B		COMIRNATY SUSP	0	
VACCINES			COMIRNATY SUSY	0	
Bacterial Vaccines			ENERGIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ACTHIB SOLR IM	0		ENERGIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
BEXSERO 0.5 ML	0				
CAPVAXIVE	0				
HIBERIX SOLR IJ	0				
MENACTRA	0				
MENQUADFI 0.5 ML	0				
MENVEO SOLN	0				
MENVEO SOLR	0				
PEDVAX HIB SUSP	0				
PENBRAYA	0				
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOLE IJ	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
			M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
			MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
MRESVIA	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	43	adapalene GEL	36
abacavir sulfate TABS	29	ACTHAR GEL	43	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36
abacavir sulfate-lamivudine	29	ACTHIB SOLR IM	62	adefovir dipivoxil	30
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27	ADEMPAS	33
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	31	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	60
ABRYSVO	62	acyclovir SUSP	31	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	62
acamprosate calcium	58	acyclovir TABS PO	31	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 62	
acarbose	14	acyclovir topical CREA	39	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	62
acebutolol hcl CAPS	31	acyclovir topical OINT	39	AFLURIA SUSP	62
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	60	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	47
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	7	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	60	AIMOVIG	51
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	3	AIMSCO LUBRICATED MISC	49
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	AIRDUO DIGIHALER	10
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 3		AIRSUPRA	10
acetazolamide CP12	42	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	3	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	42	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	3	albendazole	8
acetazolamide TABS 125 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate AERS	10
acetazolamide TABS 250 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU	10
acetic acid (otic)	57	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate SYRP	10
acetic acid 0.25 %	46	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	albuterol sulfate TABS	10
acetylcysteine SOLN	36	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate CREA 39	
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	alclometasone dipropionate OINT .39	
acitretin 25 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	ALDURAZYME	44
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	adapalene CREA	36	ALECENSA	25
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4			alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4				
ACTEMRA SOSY	4				

alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43	amcinonide OINT	39	amoxicillin TABS	58
alfuzosin hcl	46	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	61
ALINIA SUSR	21	amiloride & hydrochlorothiazide ..	42	amphetamine sulfate TABS	1
aliskiren fumarate	21	amiloride hcl TABS	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	46	aminocaproic acid TABS	48	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	51	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	51	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
ALOCRIL	57	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate TABS	32	amphotericin b IV	18
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	58
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	58
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	15	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	47
ALOMIDE	57	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
alosetron hcl	46	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	8
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	9	amoxapine	14	ANGELIQ	44
alprazolam TABS 2 MG	9	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 58		ANNOVERA	34
alprazolam TB24	9	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 58		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TBDP	9	amoxicillin & pot clavulanate TABS 58		APIDRA SOLN	16
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate TB12 58		APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ALVESCO	10	amoxicillin CAPS	57	apomorphine hydrochloride SOCT 27	
alvimopan	46	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 57		aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 18	
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	58	aprepitant CAPS 80 MG	18
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	58	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl TABS	27			APTIVUS CAPS	29
ambrisentan	33			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN	

25 MCG/ML	47	atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	49
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	47	ATGAM	53	azithromycin TABS 600 MG	49
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	47	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	22
ARCALYST	4	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	56
AREXVY	62	atorvastatin calcium TABS	19	baclofen TABS	55
arformoterol tartrate	10	atovaquone	21	balsalazide disodium CAPS	45
ARIKAYCE	2	atovaquone-proguanil hcl	22	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
aripiprazole SOLN PO	29	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	55	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
aripiprazole TABS	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	61	BAXDELA SOLR	45
armodafinil	1	ATROVENT HFA	9	BAXDELA TABS	45
ARMOUR THYROID TABS	60	AUDENZ EMUL	62	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 51	
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation)) ...	10	AUDENZ PRSY	62	BELSOMRA	48
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AURANOFIN 3 MG	4	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ARZERRA	24	AUSTEDO TABS	59	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ascorbic acid SOLN IJ	65	avanafil	32	benazepril hcl	19
asenapine maleate 2.5 MG	28	AVERI TABS PO	34	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AVONEX PEN AJKT	59	BENZEPRO FOAM 5.3 %	36
aspirin CHEW	5	AVONEX PREFILLED PSKT	59	benzonatate 100 MG	36
aspirin TABS 325 MG	5	azacitidine SUSR	23	benzonatate 150 MG	36
aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	53	benzonatate 200 MG	36
aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	53	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
aspirin-dipyridamole	47	azelaic acid GEL	41	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azelastine hcl (ophth)	57	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	29	azelastine hcl	55	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	36
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin PACK	49	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	
		azithromycin SUSR	49		
		azithromycin TABS 250 MG	49		

benztropine mesylate TABS27	BIKTARVY29	budesonide (nasal)55
bepotastine besilate57	bimatoprost SOLN 57	budesonide CPEP 35
BESIVANCE56	bisacodyl SUPP48	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
betaine44	bisacodyl TBEC48	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...42
betamethasone dipropionate (topical) CREA39	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	bumetanide TABS42
betamethasone dipropionate (topical) LOTN39	bisoprolol fumarate31	buprenorphine hcl SOLN7
betamethasone dipropionate (topical) OINT39	bleomycin sulfate 15 UNIT25	buprenorphine hcl SUBL7
betamethasone dipropionate augmented CREA39	BOOSTRIX SUSP 60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7
betamethasone dipropionate augmented LOTN39	BOOSTRIX SUSY 60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7
betamethasone dipropionate augmented OINT39	bortezomib SOLR IJ 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7
betamethasone valerate CREA ...39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25	buprenorphine PTWK7
betamethasone valerate FOAM ...39	bosentan TABS 125 MG33	bupropion hcl (smoking deterrent) 59
betamethasone valerate LOTN39	bosentan TABS 62.5 MG33	bupropion hcl TABS13
betamethasone valerate OINT39	bosentan TBSO 32 MG33	bupropion hcl TB12 13
BETASERON KIT59	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG13
betaxolol hcl (ophth) SOLN56	BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH10	buspirone hcl 5 MG 8
betaxolol hcl31	BREZTRI AEROSPHERE10	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG8
bethanechol chloride 25 MG62	brimonidine tartrate (topical)41	busulfan SOLN23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG62	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 56	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG 5
bexarotene (topical)38	brimonidine tartrate-timolol maleate . 56	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG 5
bexarotene27	brinzolamide57	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG 5
BEXSERO 0.5 ML 62	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...12	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG5
BEYFORTUS57	bromfenac sodium (ophth)57	butalbital-acetaminophen-caffeine w/
bicalutamide25	bromocriptine mesylate CAPS27	
BIJUVA44	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG27	
	budesonide (inhalation) SUSP10	
	budesonide (intrarectal) 8	

codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	7	hydrochlorothiazide	20	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	33
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	7	capecitabine	23	cefadroxil CAPS	33
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	CAPRELSA	26	cefadroxil SUSR	33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	7	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil TABS	33
butenafine hcl	37	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	CAPVAXIVE	62	cefdinir CAPS	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefdinir SUSR	33
CABENUVA	29	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
cabergoline	44	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefixime CAPS	33
CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime SUSR	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine SUSP	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine TABS	12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbidopa	27	cefprozil SUSR	33
calcitonin (salmon) NA	43	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	33
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34
calcitriol CAPS	44	carbidopa-levodopa TBDP	27	cefuroxime axetil TABS	33
calcitriol SOLN IV	44	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carbinoxamine maleate SOLN	18	celecoxib	4
calcium acetate (phosphate binder) TABS	46	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	cephalexin CAPS	33
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol TABS	55	cephalexin SUSR	33
calcium polycarbophil TABS	48	carmustine	23	CERDELGA	47
candesartan cilexetil	20	carteolol hcl (ophth)	56	cetirizine hcl TABS	18
candesartan cilexetil-		carvedilol	31	cevimeline hcl	54
		carvedilol phosphate	31	CHEMET	17
		CAYA DPRH	49	CHEMSTRIP K STRP	42
		CAYSTON	22	chloramphenicol sodium succinate	21
		cefaclor CAPS	33	chlordiazepoxide hcl CAPS	9

chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide61	cimetidine TABS 61	SWAB36
chlordiazepoxide-amitriptyline58	cinacalcet hcl44	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML 22
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)54	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN56	clindamycin phosphate vaginal CREA64
chloroquine phosphate TABS 250 MG 22	ciprofloxacin hcl (otic)57	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)36
chloroquine phosphate TABS 500 MG 22	ciprofloxacin hcl TABS45	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %36
chlorpromazine hcl SOLN 28	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 45	clindamycin phosphate-tretinoin ..36
chlorpromazine hcl TABS29	ciprofloxacin-dexamethasone57	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .55
chlorthalidone 25 MG, 50 MG43	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 57	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...56
chlorzoxazone TABS 500 MG55	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...23	clobazam SUSP12
chlorzoxazone TABS 750 MG55	citalopram hydrobromide SOLN ...14	clobazam TABS12
cholecalciferol CAPS65	citalopram hydrobromide TABS ...14	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT65	clarithromycin SUSR49	clobetasol propionate emollient base 0.05 %39
cholestyramine light PACK19	clarithromycin TABS49	clobetasol propionate FOAM40
cholestyramine light POWD19	clarithromycin TB2449	clobetasol propionate GEL 0.05 % 40
cholestyramine PACK19	CLASSIC PRENATAL TABS54	clobetasol propionate OINT 0.05 % 40
cholestyramine POWD19	clemastine fumarate SYRP18	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40
choline fenofibrate19	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	clocortolone pivalate40
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	CLIMARA PRO44	clofarabine23
ciclopirox GEL37	clindamycin hcl22	clomiphene citrate TABS43
ciclopirox olamine CREA37	clindamycin palmitate hydrochloride . 22	clomipramine hcl14
ciclopirox olamine SUSP37	clindamycin phosphate (topical) FOAM36	clonazepam TABS12
ciclopirox SHAM37	clindamycin phosphate (topical) GEL 36	clonidine hcl (adhd) TB121
ciclopirox SOLN37	clindamycin phosphate (topical) LOTN36	clonidine hcl TABS20
cidofovir30	clindamycin phosphate (topical) SOLN36	
cilostazol47	clindamycin phosphate (topical)	
CIMDUO29		

clonidine PTWK	20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	26	MG	55
clopidogrel bisulfate 300 MG	47	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	26	cyclophosphamide CAPS	23
clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	62	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clorazepate dipotassium TABS	9	COMIRNATY SUSP	62	cycloserine	23
clotrimazole (topical) CREA	37	COMIRNATY SUSY	62	cyclosporine (ophth) EMUL	56
clotrimazole (topical) SOLN	37	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)	29	cyclosporine CAPS	53
clotrimazole	54	CORDRAN TAPE	40	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	53
clotrimazole vaginal CREA 1 %	64	CORTISPORIN-TC	57	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	53
clotrimazole w/ betamethasone CREA	37	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 38		cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	53
clotrimazole w/ betamethasone LOTN	37	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	38	cyproheptadine hcl SYRP	18
clozapine TABS	28	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	38	cyproheptadine hcl TABS	18
clozapine TBDP 100 MG	28	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38	CYSTAGON CAPS	46
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38	CYSTARAN	57
clozapine TBDP 25 MG	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ...	38	dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11
COARTEM	22	CREON CPEP	42	dactinomycin	25
codeine sulfate TABS 30 MG	5	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	dalfampridine	59
CODEINE SULFATE TABS	5	cromolyn sodium (ophth)	57	danazol CAPS	8
colchicine TABS	46	cromolyn sodium NEBU	9	dantrolene sodium CAPS	55
colchicine w/ probenecid	46	crotamiton LOTN	41	dapagliflozin propanediol	16
colesevelam hcl PACK	19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	54	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	15
colesevelam hcl TABS	19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15
colestipol hcl GRAN	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10		dapsone	21
colestipol hcl PACK	19			DAPTACEL	60
colestipol hcl TABS	19			daptomycin 500 MG	21
COMBIPATCH PTTW	44			darifenacin hydrobromide	62
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10			darunavir TABS	29
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	26			dasatinib	26

DAURISMO	24	desonide LOTN	40	diazepam CONC	9
decitabine	23	desonide OINT	40	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	9
deferasirox PACK	17	desoximetasone CREA 0.25 % ...	40	diazepam TABS	9
deferasirox TABS	17	desoximetasone GEL	40	diazoxide	15
deferasirox TBSO	17	desoximetasone OINT 0.25 %	40	diclofenac epolamine PTCH EX ...	38
deflazacort TABS	35	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
DELSTRIGO	29	dexamethasone ELIX	35	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38
demeclocycline hcl TABS	60	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35	diclofenac sodium (ophth)	57
DEPO-ESTRADIOL	44	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	56	diclofenac sodium (topical) GEL EX	38
DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone SOLN	35	diclofenac sodium TB24	4
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35	diclofenac sodium TBEC	4
DESCOVY 200 MG-25 MG	29	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4
desipramine hcl TABS	14	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	dicloxacillin sodium	58
desloratadine TABS	18	dexlansoprazole	61	dicyclomine hcl CAPS	61
desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexmethylphenidate hcl CP24	1	dicyclomine hcl SOLN PO	61
desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1	dicyclomine hcl TABS	61
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	DIFFERIN LOTN	36
desmopressin acetate spray	44	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 49	
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	44	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .	1	diflorasone diacetate CREA	40
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	diflorasone diacetate OINT	40
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		DIACOMIT CAPS 250 MG	12	diflunisal TABS	5
desogestrel & ethinyl estradiol	34	DIACOMIT CAPS 500 MG	12	difluprednate	56
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34	DIACOMIT PACK 250 MG	12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	32
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34	DIACOMIT PACK 500 MG	12	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	32
desonide CREA	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	51
				dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	51

DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole	47	MG, 100 MG	60
DILANTIN	13	disopyramide phosphate CAPS	9	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	60
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram	58	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	60
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	DIURIL SUSP	43	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	60
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24	13	doxycycline hyclate CAPS	60
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	60
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32	docetaxel CONC 20 MG/ML	27	doxylamine-pyridoxine TBEC	17
diltiazem hcl CP12	32	docusate calcium	48	dronabinol CAPS	17
diltiazem hcl CP24	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	48	drospirenone-ethinyl estradiol	34
diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	32	docusate sodium CAPS 250 MG ..	48	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	34
diltiazem hcl extended release beads 420 MG	32	dofetilide	9	DROXIA CAPS	47
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	58	DUAVEE	44
DILTIAZEM HCL SOLR	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	58	DULERA	10
diltiazem hcl TABS	32	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	58	duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl TB24	32	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 58		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 41	
dimethyl fumarate CDPK	59	dorzolamide hcl	57	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	41
dimethyl fumarate CPDR	59	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	56	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 41	
DIPENTUM	45	DOVATO	29	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	41
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxazosin mesylate	20	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	49
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18	doxepin hcl (sleep)	48	DUREX TROPICAL MISC	49
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl CAPS	14	dutasteride	46
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl CONC	14	dutasteride-tamsulosin hcl	46
		doxercalciferol CAPS	44	econazole nitrate CREA	37
		doxercalciferol SOLN	44		
		doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25		
		doxycycline (monohydrate) CAPS 50			

EDARBI	20	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 51	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	
EDURANT	29	EMGALITY SOAJ	51	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	EMGALITY SOSY	51	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
efavirenz CAPS 50 MG	29	EMSAM	14	entacapone	27
efavirenz TABS	29	emtricitabine CAPS	29	entecavir TABS	30
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EPIDIOLEX	12
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	57
ELAPRASE	44	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	65
electrolyte-148	52	EMTRIVA SOLN	29	eplerenone	21
electrolyte-a	52	EMVERM CHEW	8	epoprostenol sodium	32
ELESTRIN GEL	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eptifibatide 200 MG/100ML	47
eletriptan hydrobromide	51	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EQL PRENATAL FORMULA TABS 54	
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25	enalapril maleate TABS	19	EQUETRO 100 MG	28
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	ENBREL MINI SOCT	5	EQUETRO 200 MG	28
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	11	ENBREL SOLN	5	EQUETRO 300 MG	28
ELIQUIS TABS	11	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	ERBITUX	24
ELLA	34	ENBREL SOSY 50 MG/ML	5	ergocalciferol CAPS	65
ELMIRON CAPS	46	ENBREL SURECLICK SOAJ	5	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	65
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	47	ENERGIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	62	ergoloid mesylates TABS	59
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	47	ENERGIX-B SUSY	62	ERGOMAR SUBL	51
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	51	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	51
EMBECTA PEN NEEDLE NANO .51		enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	eribulin mesylate	27
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	51	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ERIVEDGE	24
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	51			ERLEADA 240 MG	25
EMCYT	25			ERLEADA 60 MG	25
				erlotinib hcl	24
				ERTACZO	37

ertapenem sodium IJ	21	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	45	famotidine in nacl SOLN	61
erythromycin (acne aid) PADS	36	eszopiclone	48	famotidine SUSR	61
erythromycin (acne aid) SOLN	36	ethacrynic acid	42	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	61
erythromycin (ophth)	56	ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	28
erythromycin base CPEP	49	ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK A	28
erythromycin base TABS	49	ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	49
erythromycin base TBEC	49	ethynodiol diacet & eth estrad	34	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	49
erythromycin ethylsuccinate SUSR	49	etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16
erythromycin ethylsuccinate TABS	49	etodolac TABS	4		16
escitalopram oxalate SOLN	14	etonogestrel-ethinyl estradiol	34	FASENRA PEN SOAJ	9
escitalopram oxalate TABS	14	ETOPOPHOS	27	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12	etoposide CAPS	27	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	61	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27	FC2 FEMALE CONDOM	49
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	61	etravirine 100 MG	29	febuxostat	46
esomeprazole magnesium TBEC ..	61	etravirine 200 MG	29	felbamate SUSP	13
estazolam	48	EUCRISA	41	felbamate TABS 400 MG	13
esterified estrogens & methyltestosterone	44	EVAMIST SOLN	45	felbamate TABS 600 MG	13
estradiol & norethindrone acetate TABS	44	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	53	felodipine	32
estradiol GEL	44	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	53	FEMCAP DEVI	49
estradiol PTTW	44	everolimus TABS	26	FEMLYV TBDP	34
estradiol PTWK	44	EVEXITHROID TABS 180 MG	60	FEMRING	65
estradiol TABS	44	EVOTAZ	29	fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG	19
estradiol vaginal CREA	64	exemestane	25	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19
estradiol vaginal TABS	64	ezetimibe	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol valerate	44	ezetimibe-simvastatin	18	fenoprofen calcium TABS	4
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR ..	65	famciclovir 125 MG, 250 MG	31	FENSOLVI (6 MONTH) SC	44
		famciclovir 500 MG	31	fentanyl citrate LPOP	5

fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl SOLN	14
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	48	flucytosine	18	fluoxetine hcl TABS	14
ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	48	fludarabine phosphate SOLN	23	fluphenazine hcl CONC	29
ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	fludarabine phosphate SOLR	24	fluphenazine hcl ELIX	29
fesoterodine fumarate	62	fludrocortisone acetate TABS	35	fluphenazine hcl SOLN	29
FETZIMA CP24	14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 63		fluphenazine hcl TABS	29
FETZIMA TITRATION C4PK	14	FLULAVAL SUSY	63	flurandrenolide CREA	40
fidaxomicin TABS 200 MG	49	FLUMIST	63	flurandrenolide LOTN	40
finasteride	46	FLUMIST QUADRIVALENT	63	flurazepam hcl	48
fingolimod hcl	59	flunisolide (nasal)	55	flurbiprofen sodium	57
FIRMAGON (240 MG DOSE)	25	fluocinolone acetonide (otic)	57	flurbiprofen TABS	4
FIRMAGON 80 MG	25	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40		fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	10
flavoxate hcl	62	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40	fluticasone furoate-vilanterol	10
flecainide acetate	9	fluocinolone acetonide OIL	40	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10
floxuridine	23	fluocinolone acetonide OINT	40	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 55	
FLUAD	63	fluocinolone acetonide SOLN	40	fluticasone propionate CREA 0.05 % 40	
FLUAD QUADRIVALENT	63	fluocinonide CREA 0.05 %	40	fluticasone propionate hfa	10
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 63		fluocinonide CREA 0.1 %	40	fluticasone propionate LOTN	40
FLUARIX SUSY	63	fluocinonide emulsified base	40	fluticasone propionate OINT	40
FLUBLOK QUADRIVALENT	63	fluocinonide GEL	40	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
FLUBLOK SOSY	63	fluocinonide OINT	40	fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	63	fluocinonide SOLN	40	fluticasone-salmeterol AERO	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	63	fluorometholone (ophth) SUSP	56	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
FLUCELVAX SUSP	63	fluorouracil (topical) CREA 5 %	38		
FLUCELVAX SUSY	63	fluorouracil (topical) SOLN	38		
fluconazole SUSR	18	fluorouracil 500 MG/10ML	24		
		fluoxetine hcl CAPS	14		
		fluoxetine hcl CPDR	14		

fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER50	gefitinib24
fluvoxamine maleate TABS14	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR50	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG24
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT63	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR50	gemfibrozil TABS19
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY63	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..50	GENOTROPIN CART SC43
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 63	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..50	GENOTROPIN MINIQUEL PRSY 43
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 63	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR50	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2
FLUZONE SUSP63	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..50	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..56
FLUZONE SUSY63	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..50	gentamicin sulfate (topical) CREA .37
FML FORTE SUSP56	FREESTYLE LIBRE READER50	gentamicin sulfate (topical) OINT ..37
folic acid TABS47	frovatriptan succinate51	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML2
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FT PRENATAL TABS54	GENVOYA29
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	fulvestrant SOSY25	GILOTRIF24
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML42	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 59
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	furosemide TABS42	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 59
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST42	FUZEON SOLR29	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ...23
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON42	gabapentin CAPS12	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)23
formoterol fumarate NEBU10	gabapentin SOLN12	glimepiride 1 MG, 2 MG16
FOSAMAX PLUS D43	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	glimepiride 4 MG16
fosamprenavir calcium TABS29	galantamine hydrobromide CP24 ..58	glipizide TABS 5 MG, 10 MG16
fosfomycin tromethamine22	galantamine hydrobromide SOLN .58	glipizide TB2416
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20	galantamine hydrobromide TABS .58	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15
fosinopril sodium19	ganciclovir sodium SOLR30	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG15
fosphenytoin sodium13	ganirelix acetate43	GLUCAGEN DIAGNOSTIC41
FRAGMIN SOSY11	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML63	glucagon SOLR IJ 1 MG15
	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML63	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,
	gatifloxacin (ophth)56	

6 MG	17	haloperidol decanoate	28	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glyburide TABS	17	haloperidol lactate CONC	28	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	haloperidol lactate SOLN	28	HYCANTIN CAPS	27
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol TABS	28	hydralazine hcl SOLN	21
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	63	hydralazine hcl TABS	21
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 61		HEALON PRO SOSY	57	hydrochlorothiazide CAPS	43
glycopyrrolate TABS 1 MG	61	HEMANGEOL SOLN PO	31	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 43	
glycopyrrolate TABS 2 MG	61	HEMATINIC/FOLIC ACID	47	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	43
GLYXAMBI	15	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone bitartrate CP12	5
GNP PRENATAL TABS	54	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone bitartrate T24A	5
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	54	HEPLISAV-B SOSY	63	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	.36
GOHIBIC	47	HIBERIX SOLR IJ	62	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	7
GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	42	HUMATROPE CART IJ	43	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	7
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	7
granisetron hcl TABS	17	HUMIRA (2 PEN) AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
GRASTEK SUBL	2	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7
griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7
griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	8
guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3		
guanfacine hcl	20	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3		
GYNAZOLE-1	64	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	3		
HAEGARDA SOLR SC	47				
halcinonide CREA	40				
halobetasol propionate CREA	40				
halobetasol propionate OINT	40				
HALOG OINT	40				

hydrocortisone (rectal) EX8	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ...9	INCRUSE ELLIPTA9
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %40	hydroxyzine hcl SYRP9	indapamide TABS 1.25 MG43
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40	hydroxyzine hcl TABS9	indapamide TABS 2.5 MG43
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %40	hydroxyzine pamoate CAPS9	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4
hydrocortisone acetate (rectal)8	HYPERSAL NEBU36	indomethacin CPCR4
hydrocortisone butyrate CREA40	HYQVIA57	INFANRIX60
hydrocortisone butyrate OINT40	ibandronate sodium SOLN43	INFLECTRA SOLR45
hydrocortisone butyrate SOLN40	ibandronate sodium TABS43	INLYTA24
hydrocortisone sod succinate 100 MG35	IBRANCE CAPS26	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16
hydrocortisone TABS35	IBRANCE TABS26	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16
hydrocortisone vaginal64	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN16
hydrocortisone valerate CREA40	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN16
hydrocortisone valerate OINT40	ibuprofen TABS 800 MG4	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN16
hydrocortisone w/acetic acid57	icatibant acetate SOSY47	INSULIN LISPRO SOLN IJ16
hydromorphone hcl LIQD6	ICLUSIG26	INTELENCE 25 MG29
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 6	icosapent ethyl 1 GM19	IONOSOL-MB IN D5W52
hydromorphone hcl TABS6	idarubicin hcl 20 MG/20ML25	IPOL IJ63
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...6	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML25	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 55
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG6	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML23	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 55
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	ifosfamide SOLR23	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .9
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	imatinib mesylate TABS26	ipratropium-albuterol SOLN10
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	imipramine hcl TABS14	irbesartan20
hydroxyurea27	imipramine pamoate14	irbesartan-hydrochlorothiazide20
	imiquimod 5 %41	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML27
	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML51	irrigation solutions, physiological ..53
	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML51	
	INCRELEX44	

ISENTRESS CHEW	30	JYNNEOS	63	49	
ISENTRESS HD TABS	29	KALETRA SOLN	30	KIMONO SPECIAL DEVI	49
ISENTRESS TABS	30	KALYDECO TABS	60	KINRIX SUSY	60
ISOLYTE-P IN D5W	52	KAMELEON LUBRICATED MISC	49	KISQALI (200 MG DOSE)	26
ISOLYTE-S	52	KANJINTI	24	KISQALI (400 MG DOSE)	26
isoniazid SOLN	23	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %	40	KISQALI (600 MG DOSE)	26
isoniazid SYRP	23	MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	52	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	25
isoniazid TABS	23	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	52	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	25
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	ketoconazole (topical) CREA	37	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	25
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32		ketoconazole (topical) SHAM 2 %	37	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	54
isosorbide mononitrate TABS	8	ketoconazole	18	KRINTAFEL	22
isosorbide mononitrate TB24	8	KETONE TEST STRP	42	KYLEENA	35
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	36	ketoprofen CAPS 50 MG	4	KYPROLIS	26
isradipine CAPS	32	ketorolac tromethamine (ophth)	57	labetalol hcl SOLN	31
itraconazole CAPS	18	ketorolac tromethamine TABS	4	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	31
itraconazole SOLN	18	KETOSTIX STRP	42	labetalol hcl TABS 300 MG	31
ivabradine hcl TABS	33	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	57	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	12
ivermectin (pediculicide)	41	KEVZARA SOAJ	4	lacosamide TABS	12
ivermectin	8	KEVZARA SOSY	4	lactated ringer's (irrigation)	53
IXEMPRA KIT 15 MG	27	KIMONO COLORS DEVI	49	lactic acid (ammonium lactate) CREA	41
JAKAFI	26	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	49	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	41
JANUMET TABS	15	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	49	lactulose (encephalopathy)	46
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	KIMONO MISC	49	lactulose SOLN	48
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO PLUS MISC	49	lamivudine (hbv) TABS	30
JANUVIA	15	KIMONO PS MISC	49	lamivudine SOLN	30
JARDIANCE	16	KIMONO PS PLUS MISC	49		
JULUCA	30	KIMONO SENSATION MISC	49		
		KIMONO SENSATION PLUS MISC			

lamivudine TABS 150 MG 30	leucovorin calcium TABS 27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 34
lamivudine TABS 300 MG 30	LEUKERAN 23	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34
lamivudine-zidovudine 30	LEUKINE SOLR IJ 47	levorphanol tartrate TABS 2 MG 6
lamotrigine CHEW 25 MG 12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML 25	levothyroxine sodium TABS 60
lamotrigine CHEW 5 MG 12	levalbuterol hcl 10	LEXIVA SUSP 30
lamotrigine TABS 12	levalbuterol tartrate 10	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 54
lamotrigine TBDP 12	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 53
LANOXIN SOLN IJ (digoxin) 32	levetiracetam TABS 1000 MG 12	lidocaine hcl GEL 2 % 41
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) 32	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	lidocaine hcl PRSY 41
lansoprazole CPDR 15 MG 61	levetiracetam TABS 500 MG 12	lidocaine hcl SOLN 41
lansoprazole CPDR 30 MG 61	levetiracetam TB24 12	lidocaine PTCH 5 % 41
lanthanum carbonate CHEW 46	levobunolol hcl 0.5 % 56	lidocaine-prilocaine CREA 41
lapatinib ditosylate 26	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	LILETTA (52 MG) 35
LASTACRAFT 57	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lincomycin hcl 22
latanoprost SOLN 57	levofloxacin (ophth) 0.5 % 56	linezolid SUSR 22
leflunomide 5	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 45	linezolid TABS 22
LEMTRADA 59	levofloxacin SOLN PO 45	LINZESS 46
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 53	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 45	liothyronine sodium SOLN 60
lenalidomide 20 MG 53	levofloxacin TABS 500 MG 45	liothyronine sodium TABS 60
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) . 24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34	liraglutide 16
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) . 24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) . 24	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) 34	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) . 24		lisinopril & hydrochlorothiazide 20
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) . 24		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 19
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) . 24		lithium 28
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) .. 24		lithium carbonate CAPS 28
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) .. 24		lithium carbonate TABS 28
letrozole 25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 34	
leucovorin calcium SOLR 27		

lithium carbonate TBCR 28	loxapine succinate 28	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 35
LO LOESTRIN FE TABS 34	lubiprostone 45	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 35
lofexidine hcl 58	luliconazole 37	medroxyprogesterone acetate 10 MG 58
LOKELMA 53	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG 26	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG 58
lomustine 10 MG 23	LUMAKRAS 320 MG 26	mefenamic acid CAPS 4
lomustine 40 MG, 100 MG 23	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM 25	mefloquine hcl 23
loperamide hcl CAPS 17	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM 25	megestrol acetate (appetite) 58
lopinavir-ritonavir SOLN 30	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 25	megestrol acetate SUSP 25
lopinavir-ritonavir TABS 30	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25	megestrol acetate TABS 25
LOQTORZI 24	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 28	MEKINIST SOLR 26
loratadine CAPS 18	lurasidone hcl 80 MG 28	MEKINIST TABS 0.5 MG 26
loratadine CHEW 18	LYNPARZA TABS 26	MEKINIST TABS 2 MG 26
loratadine SOLN 18	LYSODREN 25	meloxicam TABS 4
loratadine TABS 18	mafenide acetate PACK 39	melphalan 23
loratadine TBDP 18	malathion 41	melphalan hcl IV 23
lorazepam CONC 9	maraviroc TABS 150 MG 30	memantine hcl TABS 58
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 9	maraviroc TABS 300 MG 30	MENACTRA 62
lorazepam TABS 1 MG 9	MARPLAN 14	MENEST 2.5 MG 45
LORBRENA 26	MASONATAL TABS 54	MENOSTAR PTWK 45
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG 20	MATRONEX TABS 54	MENQUADFI 0.5 ML 62
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20	MATULANE 27	MENVEO SOLN 62
losartan potassium 20	MAXIDEX SUSP OP 56	MENVEO SOLR 62
LOTEMAX OINT 56	MAXX MISC 49	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 6
loteprednol etabonate GEL 56	MAXX PLUS MISC 49	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML 6
loteprednol etabonate SUSP 56	meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	meperidine hcl TABS 50 MG 6
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19	meclizine hcl TABS 25 MG 17	meprobamate 9
lovastatin TABS 40 MG 19	meclofenamate sodium CAPS 4	
	MEDROL TABS 35	

mercaptopurine TABS	24	methotrexate sodium SOLR	24	methylprednisolone TABS	35
mesalamine CP24	45	methotrexate sodium TABS 2.5 MG	24	methylprednisolone TBPk	35
mesalamine CPDR	45	methoxsalen rapid	38	methyltestosterone TABS	8
mesalamine ENEM	45	methscopolamine bromide	61	metoclopramide hcl SOLN IJ 5	
mesalamine SUPP	45	methsuximide	13	MG/ML	45
mesalamine TBEC 1.2 GM	45	methylidopa TABS	20	metoclopramide hcl SOLN PO 5	
mesalamine TBEC 800 MG	45	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .	1	MG/5ML, 10 MG/10ML	45
metaxalone 800 MG	55	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	1	metoclopramide hcl TABS	45
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	1	metolazone	43
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20		metoprolol & hydrochlorothiazide	
metformin hcl TABS 850 MG	15	MG, 40 MG, 60 MG	1	TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100	
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1	MG	20
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol & hydrochlorothiazide	
methadone hcl CONC	6	methylphenidate hcl CPCR	2	TABS 25 MG-50 MG	20
METHADONE HCL SOLN IJ		methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol succinate TB24 200 MG	
(methadone hcl)	6	methylphenidate hcl TABS 10 MG,		31	
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	6	20 MG	2	metoprolol succinate TB24 25 MG,	
methadone hcl SOLN PO 10		methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	50 MG, 100 MG	31
MG/5ML	6	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27		metoprolol tartrate SOLN IV 5	
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML		MG	2	MG/5ML	31
6		methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54		metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50	
methadone hcl TABS 10 MG	6	MG	2	MG, 100 MG	31
methadone hcl TABS 5 MG	6	methylphenidate hcl TBCR 10 MG,		metronidazole (topical) CREA	41
methadone hcl TBSO	6	20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %	
methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TBCR 18 MG,		41	
methazolamide TABS	42	27 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41
methenamine hippurate	22	methylphenidate hcl TBCR 36 MG,		metronidazole (topical) LOTN	41
methimazole TABS	60	54 MG	2	metronidazole TABS 250 MG, 500	
methocarbamol TABS 500 MG, 750		methylphenidate PTCH	2	MG	21
MG	55	methylprednisolone acetate SUSP	35	metronidazole vaginal	64
methotrexate sodium SOLN 50		methylprednisolone sod succ 40 MG,		mexiletine hcl	9
MG/2ML, 250 MG/10ML	24	125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	miconazole nitrate vaginal SUPP 200	
				MG	64
				midodrine hcl	65

miglitol	14	mometasone furoate CREA	40	nabumetone	4
miglustat	47	mometasone furoate OINT	40	nadolol TABS 20 MG	31
minocycline hcl CAPS	60	mometasone furoate SOLN	40	nadolol TABS 40 MG	31
minocycline hcl TABS	60	montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 80 MG	31
minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	montelukast sodium PACK	9	nafcillin sodium IV 10 GM	58
mirabegron TB24	62	montelukast sodium TABS	9	naftifine hcl CREA 1 %	37
MIRCERA	47	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	6	naftifine hcl CREA 2 %	37
MIRENA (52 MG)	35	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	6	naloxone hcl LIQD	17
mirtazapine TABS	13	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML	6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17
mirtazapine TBDP	13	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML	6	naltrexone hcl	17
misoprostol	61	morphine sulfate TABS	6	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	morphine sulfate TBCR	6	naproxen SUSP	4
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	25	MOTOFEN	17	naproxen TABS	4
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	34	MOVANTIK	46	naproxen TBEC 500 MG	4
M-M-R II SOLR	63	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	56	naratriptan hcl	51
M-NATAL PLUS TABS	54	45		NATACYN	56
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML .	63	moxifloxacin hcl TABS	45	NATAZIA	34
modafinil 100 MG	2	MRESVIA	64	nateglinide	16
modafinil 200 MG	2	MULTI PRENATAL TABS	54	NAYZILAM	12
MODERNA COVID-19 BIVALENT	63	mupirocin OINT	37	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	31
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	64	MVASI	24	nebivolol hcl 20 MG	31
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	64	MYALEPT	44	NEBUSAL NEBU	36
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	64	mycophenolate mofetil CAPS	53	nefazodone hcl	14
moexipril hcl	19	mycophenolate mofetil TABS	53	nelarabine	24
mometasone furoate (nasal) SUSP	55	mycophenolate sodium	53	neomycin sulfate TABS	2
		MYLERAN TABS	23	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	56
				neomycin-polymy-dexameth OINT	56
				neomycin-polymy-dexameth SUSP	
				0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,	

0.1 %	56	nicardipine hcl SOLN	32	nizatidine CAPS	61
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	56	NICOTINE KIT	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .		nicotine polacrilex GUM	59	MG/3ML	43
57		nicotine polacrilex LOZG	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
57		MG/24HR, 21 MG/24HR	59	MG/1.5ML	43
NEONATAL COMPLETE TABS 120		NICOTROL INHA	59	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	34
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTROL NS SOLN	59	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW ..	34
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	54	nifedipine TB24 30 MG	32	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
NEONATAL PLUS TABS	54	nifedipine TB24 60 MG	32	MCG-75 MG	34
NEONATAL PRENATAL TABS ...	54	nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34
NEONATAL VITAMIN TABS	54	nifedipine TB24	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	
neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nilutamide	25	34	
NEO-SYNALAR	37	nimodipine CAPS	32	norethindrone (contraceptive)	35
NEUPRO	27	NIPENT	27	norethindrone acet & eth estra TABS	
NEVANAC	57	nisoldipine	32	34	
nevirapine SUSP	30	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate TABS	58
nevirapine TABS	30	nitisinone CAPS	44	norethindrone acetate-ethinyl	
nevirapine TB24 400 MG	30	NITRO-BID OINT	8	estradiol	44
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	61	nitrofurantoin	22	norethindrone acetate-ethinyl	
NEXPLANON	35	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		estradiol-fe	34
NEXTSTELLIS	34	100 MG	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin monohyd macro	22		34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	65	nitroglycerin (intra-anal)	8	norgestimate-ethinyl estradiol	
NIACIN ER TBCR	65	nitroglycerin CPCR	8	(triphasic)	34
niacin TABS	65	nitroglycerin PT24	8	norgestimate-ethinyl estradiol	34
niacin TBCR	65	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30	
niacinamide TABS 100 MG	65	nitroglycerin SUBL	8	MCG-0.3 MG	34
niacinamide TABS 500 MG	65	NIVA-PLUS TABS	54	NORMOSOL-M IN D5W	52
nicardipine hcl CAPS	32			NORMOSOL-R PH 7.4	52
				nortriptyline hcl CAPS	14
				nortriptyline hcl SOLN	14

NORVIR CAPS	30	nystatin-triamcinolone OINT	37	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .	17
NORVIR PACK	30	NYVEPRIA	47	ondansetron hcl SOLN PO 4	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST		octreotide acetate SOLN	44	MG/5ML	17
42		ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOSY	17
NOVAREL IM 10000 UNIT	43	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE		OFEV	60	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
SUSP	64	ofloxacin (ophth)	56	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE		ofloxacin (otic)	57	ondansetron TBDP 4 MG	17
SUSY	64	ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PLUS TABS	
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	olanzapine SOLR	28	54	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	ONE VITE WOMENS TABS	54
NOVOLIN N SUSP	16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15		ONETOUCH DELICA SAFETY	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	MG, 20 MG	28	LANCING	50
NOVOLIN R SOLN IJ	16	olanzapine TBDP 20 MG	28	OPILL	35
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15		ORENITRAM TBCR	32
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN		MG	28	ORGOVYX	25
SUPN	16	olmesartan medoxomil	20	ORILISSA	43
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	olmesartan medoxomil-amlodipine-		ORKAMBI PACK	60
NOVOLOG PENFILL SOCT	16	hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	60
NOVOLOG SOLN IJ	16	olmesartan medoxomil-		ORLADEYO	47
NP THYROID TABS	60	hydrochlorothiazide	20	orphenadrine citrate TB12	55
NUBEQA	25	olopatadine hcl (nasal)	55	oseltamivir phosphate CAPS	31
NUEDEXTA	59	olopatadine hcl 0.1 %	57	oseltamivir phosphate SUSR	31
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE		olopatadine hcl 0.2 %	57	OSPHERA	44
SUSY 5 MCG/0.5ML	64	omega-3-acid ethyl esters	19	OTEZLA TABS	5
nystatin (mouth-throat)	54	omeprazole CPDR	61	OTEZLA TBPK	5
nystatin (topical) CREA	37	omeprazole magnesium CPDR ...	61	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	5
nystatin (topical) OINT	37	omeprazole TBEC	61	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION	
nystatin (topical) POWD EX	37	omeprazole-sodium bicarbonate		PK TBPK	5
nystatin TABS	18	CAPS 1100 MG-20 MG	61	OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5	
nystatin-triamcinolone CREA	37	OMNIFLEX DIAPHRAGM	49		

MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML2	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML27	PEGASYS SOSY30
oxacillin sodium IV 10 GM58	paclitaxel protein-bound particles .27	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML23	paliperidone28	PENBRAYA62
oxaprozin TABS4	palonosetron hcl SOLN17	penciclovir39
oxazepam CAPS9	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML43	penicillamine CAPS53
oxcarbazepine SUSP12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43	penicillamine TABS53
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG12	PANRETIN38	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .58
oxcarbazepine TABS 600 MG12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 61	penicillin g potassium 5000000 UNIT 58
oxiconazole nitrate CREA37	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 61	penicillin g sodium58
OXISTAT LOTN38	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER34	penicillin v potassium SOLR58
oxybutynin chloride SOLN62	paricalcitol CAPS44	penicillin v potassium TABS58
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...62	paricalcitol SOLN44	PENMENVY SUSR IM62
oxybutynin chloride TB2462	paroxetine hcl SUSP14	PENTACEL60
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG6	paroxetine hcl TABS14	pentamidine isethionate IN21
oxycodone hcl TABS6	paroxetine hcl TB2414	pentazocine w/ naloxone hcl8
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	pazopanib hcl26	pentoxifylline47
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG7	PEDIARIX SUSY60	perampanel TABS 2 MG11
oxymorphone hcl TABS6	pediatric multivitamins w/fl CHEW .54	perampanel TABS 4 MG11
oxymorphone hcl TB12 40 MG6	PEDVAX HIB SUSP62	perampanel TABS 6 MG11
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid48	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG11
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN16	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 48	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .19
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML16	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride48	perindopril erbumine 4 MG19
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...16	PEGASYS SOLN30	permethrin CREA41
		permethrin LIQD EX41
		perphenazine TABS29
		perphenazine-amitriptyline58
		PERSERIS PRSY28

PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 64	pioglitazone hcl16	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP64	pioglitazone hcl-glimepiride 15	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP64	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	potassium chloride microencapsulated crystals er 53
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP 64	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .26	potassium chloride PACK PO 20 MEQ53
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP64	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .26	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG46	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .26	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML53
phendimetrazine tartrate TABS 1	pirfenidone CAPS60	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 53
phenelzine sulfate14	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 60	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 46
phenobarbital ELIX48	pirfenidone TABS 534 MG60	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML52
phenobarbital TABS48	piroxicam CAPS4	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD36
phenoxybenzamine hcl20	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L52	pralatrexate 20 MG/ML 24
phentermine hcl CAPS1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..52	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG28
phenytoin CHEW13	PLEGRIDY SOAJ59	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG27
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	PLEGRIDY SOSY SC59	prasugrel hcl47
phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 59	pravastatin sodium 19
phenytoin SUSP 13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC59	praziquantel8
PHEXX64	PNEUMOVAX 23 SOLN62	prazosin hcl CAPS20
PHEXXI64	PNEUMOVAX 23 SOSY62	PRECISION XTRA KETONE42
PHOTOFRIN27	podofilox SOLN41	
PIFELTRO30	polymyxin b-trimethoprim 56	
pilocarpine hcl (oral)54	POMALYST25	
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 56	posaconazole SUSP18	
pimecrolimus41	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 52	
pimozide59	potassium bicarbonate TBEF52	
pindolol TABS31	potassium chloride CPCR 53	

PRED MILD	56	PRENATAL PLUS TABS	54	prochlorperazine	29
prednisolone acetate (ophth)	56	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	54	prochlorperazine maleate TABS ...	29
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	57	PRENATAL TABS	55	progesterone CAPS	58
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	35	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	54	PROGRAF PACK	53
prednisolone sodium phosphate TBDP	35	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	54	PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	53
prednisolone SOLN	35			PROLASTIN-C SOLN	59
prednisolone TABS	35			PROLASTIN-C SOLR	59
prednisone SOLN	35			PROLEUKIN	27
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35			PROLIA SOSY	43
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
prednisone TBPk	35			promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	59	PRENATRIX TABS	55	promethazine hcl TABS	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	59	PRENATRYL TABS	55	propafenone hcl CP12	9
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 13		PREVNAR 13	62	propafenone hcl TABS	9
		PREVNAR 20	62	proparacaine hcl	56
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	13	PREZCOBIX	30	propranolol hcl CP24	31
pregabalin SOLN	13	PREZISTA SUSP	30	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	31
PREHEVBRIO	64	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30	propranolol hcl TABS	31
PREMARIN	65	PRIFTIN	23	propylthiouracil	60
PREMARIN SOLR	45	primaquine phosphate TABS	23	PROQUAD SUSR	64
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	45	primidone 50 MG, 250 MG	13	protriptyline hcl	14
PREMPHASE	44	PRIORIX SUSR	64	PROVISC SOSY	57
PREMPRO	44	PROAIR DIGIHALER	10	prucalopride succinate	45
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	54	PROAIR RESPICLICK AEPB	10	PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10
		probenecid	46	PULMOZYME	60
		procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9		pyrazinamide	23
				pyridostigmine bromide SOLN PO	23
				pyridostigmine bromide TABS 60 MG.	

23	rasagiline mesylate	28	RETROVIR SOLN	30
pyridostigmine bromide TBCR	23	RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10	REXULTI	29
pyrimethamine	23	MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15	REZVOGLAR KWIKPEN	16
PYZCHIVA 130 MG/26ML	45	MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20	ribavirin (hepatitis c) CAPS	30
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	38	MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	30
PYZCHIVA 90 MG/ML	38	MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	30	
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	38	REALITY LATEX CONDOMS MISC .	RIDAURA	4
QC PRENATAL TABS	55	49	rifabutin	23
QUADRACEL SUSP	61	REALITY LATEX/ULTRA	rifampin CAPS	23
QUADRACEL SUSY	61	TEXTURED DEVI	rifampin SOLR	23
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50		49	riluzole TABS	55
MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	rimantadine hydrochloride TABS ..	31
MG	28	49	ringer's	52
quetiapine fumarate TB24	28	REBIF REBIDOSE SOAJ	ringer's irrigation	53
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	59	RINVOQ LQ SOLN	2
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	REBIF REBIDOSE TITRATION	RINVOQ TB24	2
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5		PACK SOAJ	risedronate sodium TABS 150 MG	43
MG-10 MG	21	59	risedronate sodium TABS 35 MG .	43
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5		REBIF SOSY	risedronate sodium TABS 5 MG, 30	
MG-20 MG	21	59	MG	43
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-		REBIF TITRATION PACK SOSY ..	risedronate sodium TBEC	43
20 MG	21	59	risperidone microspheres	28
quinidine sulfate TABS	9	RECOMBIVAX HB SUSP	risperidone SOLN	28
quinine sulfate CAPS 324 MG	23	64	risperidone TABS	28
QUZYTIR SOLN IV	18	RECOMBIVAX HB SUSY	risperidone TBDP	28
QVAR REDHALER	10	64	ritonavir TABS	30
rabeprazole sodium TBEC	61	RELENZA DISKHALER	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	11
raloxifene hcl	44	31	rivaroxaban TABS 2.5 MG	11
ramelteon	48	RELION KETONE TEST STRP ...	rivastigmine tartrate CAPS	58
ramipril CAPS	20	42	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	51
ranolazine TB12 1000 MG	8	RELION LANCET DEVICES 30G	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	51
ranolazine TB12 500 MG	8	50		
		RELION LANCETS		
		50		
		RELION TRUE METRIX TEST		
		STRIPS STRP		
		42		
		RENFLEXIS		
		45		
		repaglinide 0.5 MG, 1 MG		
		16		
		repaglinide 2 MG		
		16		
		REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		
		SOCT		
		19		
		REPATHA SOSY		
		19		
		REPATHA SURECLICK SOAJ		
		19		
		RETACRIT		
		47		

rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .51	SELECT LANCETS 50	SIRTURO 23
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..52	selegiline hcl CAPS 28	SKYLA 35
roflumilast 10	selegiline hcl TABS 28	SKYRIZI PEN SOAJ 38
romidepsin SOLR 26	selenium sulfide LOTN 2.5 % 39	SKYRIZI SOCT 45
ropinirole hydrochloride TABS 28	SELZENTRY SOLN 30	SKYRIZI SOLN 45
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG 28	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	SKYRIZI SOSY 38
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG 28	SEREVENT DISKUS 10	SLYND 35
rosuvastatin calcium TABS 19	sertraline hcl CONC 14	SM PRENATAL VITAMINS TABS .55
ROTARIX SUSP 64	sertraline hcl TABS 14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) 52
ROTATEQ SOLN 64	sevelamer carbonate PACK 46	sodium acetate SOLN 52
ROZLYTREK CAPS 26	sevelamer carbonate TABS 46	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 46
RUBRACA 26	SHINGRIX 64	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % 36
rufinamide SUSP 13	SIGNIFOR 44	sodium citrate & citric acid 46
rufinamide TABS 200 MG 13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN 33	sodium fluoride CHEW 52
rufinamide TABS 400 MG 13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR 33	sodium phenylbutyrate POWD 44
RUXIENCE 24	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS 33	sodium phenylbutyrate TABS 44
RYBELSUS TABS 16	sildenafil citrate 32	sodium polystyrene sulfonate POWD 53
sacubitril-valsartan TABS 32	silodosin 46	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML 53
salsalate 5	silver sulfadiazine 39	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate 48
SANTYL OINT 41	SIMLANDI (1 PEN) AJKT 3	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS 30
SAVELLA TABS 59	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT 3	solifenacin succinate TABS 62
SAVELLA TITRATION PACK MISC 59	SIMLANDI (2 PEN) AJKT 3	SOLQUA 15
saxagliptin hcl 15	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT 3	SOLU-CORTEF 250 MG 35
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG 15	SIMPONI ARIA SOLN 3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 35
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG 15	SIMULECT 53	SOLU-MEDROL 2 GM 35
scopolamine 17	simvastatin TABS 19	
SELECT INSULIN SYRINGES ... 51	sirolimus TABS 53	

sorafenib tosylate	26	streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52
SORBITOL 3 %	46	STRIBILD	30	sumatriptan succinate TABS	52
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	46	STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan-naproxen sodium	51
sotalol hcl (afib/af)	31	SUBSYS LIQD 800 MCG	6	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26
sotalol hcl TABS 240 MG	31	sucrafate SUSP	61	sunitinib malate 37.5 MG	26
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	sucrafate TABS	61	SUNOSI 150 MG	1
SOVALDI TABS 200 MG	30	sulconazole nitrate CREA	38	SUNOSI 75 MG	1
SOVALDI TABS 400 MG	31	sulconazole nitrate SOLN	38	SYMTUZA	30
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	64	sulfacetamide sodium (acne)	36	SYNAREL	44
SPIKEVAX SUSP	64	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 56		SYNJARDY TABS	15
SPIKEVAX SUSY	64	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
spinosad	41	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36	SYNRIBO	27
spironolactone & hydrochlorothiazide	42	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	57	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	60
spironolactone TABS	43	sulfadiazine TABS	60	TABLOID	24
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus (topical) OINT	41
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus CAPS	53
stannous fluoride CONC	54	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	53
STELARA 130 MG/26ML	45	SULFAMYLON CREA	39	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	33
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38	sulfasalazine TABS	45	tadalafil 5 MG	32
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38	sulfasalazine TBEC	45	TAFINLAR CAPS	26
STELARA SOSY 90 MG/ML	38	sulindac TABS	5	TAFINLAR TBSO	26
STEQUEYMA	45	sumatriptan	52	tafluprost	57
STEQUEYMA 45 MG/0.5ML	38	sumatriptan succinate SOAJ	52	TAGRISSO 40 MG	24
STEQUEYMA 90 MG/ML	38	sumatriptan succinate SOCT	52	TAGRISSO 80 MG	24
STIOLTO RESPIMAT	10				
STIVARGA	26				

TAKHZYRO SOLN	47	teriflunomide	59	TIVICAY TABS	30
TAKHZYRO SOSY	47	teriparatide SOPN	43	tizanidine hcl CAPS	55
TALZENNA	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	8	tizanidine hcl TABS	55
tamoxifen citrate TABS	25	testosterone cypionate SOLN IM ...	8	tobramycin (ophth) SOLN	56
tamsulosin hcl	46	testosterone enanthate SOLN IM ...	8	tobramycin NEBU	2
tavaborole	38	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	61	tobramycin-dexamethasone SUSP 57	
tazarotene CREA 0.1 %	39	tetrabenazine	59	TODAY SPONGE MISC	64
TAZVERIK	26	tetracycline hcl CAPS	60	tolcapone	27
TDVAX SUSP	61	THALOMID	53	tolmetin sodium CAPS	5
TEFLARO	34	theophylline ELIX	11	tolmetin sodium TABS 600 MG	5
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13		theophylline SOLN	11	TOLSURA CAPS	18
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13		theophylline TB12	11	tolterodine tartrate CP24	62
telmisartan	20	theophylline TB24	11	tolterodine tartrate TABS	62
telmisartan-amlodipine	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	55	tolvaptan TABS	44
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	thioridazine hcl	29	topiramate CPSP 15 MG	13
temazepam 15 MG, 30 MG	48	thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 25 MG	13
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	48	thiothixene	29	topiramate CS24	13
TEMODAR SOLR	23	THYMOGLOBULIN	53	topiramate TABS 200 MG	13
temozolomide CAPS	23	THYROGEN 0.9 MG	42	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	13
temsirolimus	26	tiagabine hcl	13	topiramate TABS 50 MG	13
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	61	ticagrelor 60 MG, 90 MG	47	topotecan hcl SOLN	27
tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		timolol maleate (ophth) SOLG	56	topotecan hcl SOLR	27
terazosin hcl	20	timolol maleate (ophth) SOLN	56	toremifene citrate	25
terbinafine hcl TABS	18	timolol maleate TABS	31	torsemide TABS	43
terbutaline sulfate SOLN	10	tinidazole	21	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	33
terbutaline sulfate TABS	10	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9	tramadol hcl TABS 50 MG	6
terconazole vaginal CREA	64	TIVICAY PD TBSO	30	tramadol hcl TB24	6
terconazole vaginal SUPP	64			tramadol-acetaminophen	7
				trandolapril 1 MG, 2 MG	20

trandolapril 4 MG20	tretinoin microsphere 0.1 %36	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG21	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG24	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG15
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG21	triamcinolone acetonide (mouth) ..54	TRIKAFTA TBPK60
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML48	triamcinolone acetonide (nasal) AERO55	trimethobenzamide hcl CAPS17
tranexamic acid TABS48	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %41	trimethoprim TABS21
tranylcypromine sulfate14	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %41	trimipramine maleate CAPS14
travoprost SOLN57	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %41	TRINTELLIX14
TRAZIMERA24	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %41	TRIUMEQ PD TBSO30
trazodone hcl TABS14	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %41	TRIUMEQ TABS30
TRELEGY ELLIPTA10	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %41	TROJAN BARESKIN DEVI49
TRELSTAR MIXJECT25	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %41	TROJAN MAGNUM MISC49
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML39	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML35	TROJAN ULTRA THIN MISC50
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 39	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG42	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC50
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML45	triamterene & hydrochlorothiazide TABS42	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 50
TREMFYA SOLN IV46	triamterene CAPS43	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .50
TREMFYA SOSY 100 MG/ML39	triazolam48	tropicamide SOLN 0.5 %56
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 46	TRICARE TABS55	tropicamide SOLN 1 %56
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML46	trientine hcl 250 MG53	trospium chloride CP2462
treprostinil SOLN IJ32	trifluoperazine hcl TABS29	trospium chloride TABS62
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN16	trifluridine56	TRUE COVER DEVI50
TRESIBA SOLN16	trihexyphenidyl hcl SOLN27	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP42
tretinoin (chemotherapy)27	trihexyphenidyl hcl TABS27	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...50
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %37		TRULANCE45
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %37		TRULICITY16
		TRUMENBA 0.5 ML62
		TRUSTEX COLOR CONDOMS +

LUBE MISC50	UBRELVY 100 MG51	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC50	UBRELVY 50 MG51	VAQTA64
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC50	UDENYCA ONBODY SOSY47	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML64
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC50	UDENYCA SOAJ47	varenicline tartrate TABS59
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC50	UDENYCA SOSY47	varenicline tartrate TBPk59
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC50	umeclidinium-vilanterol10	VARIVAX SUSR64
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...50	UPTRAVI TABS 200 MCG33	VARUBI (180 MG DOSE) TBPk ...18
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG33	VAXELIS SUSP61
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC50	UPTRAVI TITRATION TBPk33	VAXELIS SUSY61
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC50	ursodiol CAPS45	VAXNEUVANCE62
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 50	ursodiol TABS45	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM64
TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC50	UVADEX27	VECAMEYL21
TRUXIMA24	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG25	VECTIBIX 100 MG/5ML24
TUKYSA24	valacyclovir hcl 1 GM31	VELPHORO46
TURALIO 125 MG26	valacyclovir hcl 500 MG31	venlafaxine hcl CP2414
TWINRIX SUSY64	valganciclovir hcl TABS30	venlafaxine hcl TABS14
TWIRLA34	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML13	venlafaxine hcl TB2414
TYBLUME CHEW34	valproic acid CAPS13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG32
TYBOST30	valrubicin25	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG32
TYMLOS43	valsartan TABS20	verapamil hcl TABS32
TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...32	valsartan-hydrochlorothiazide21	verapamil hcl TBCR32
TYVASO SOLN IN33	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD12	VEREGEN37
TYVASO STARTER KIT SOLN IN .33	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML12	VERZENIO26
	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML12	vigabatrin PACK13
	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD12	vigabatrin TABS13
	vancomycin hcl CAPS21	VIIBRYD STARTER PACK KIT14
		vilazodone hcl TABS14

vincristine sulfate	27	XARELTO SUSR 1 MG/ML	MG/0.8ML	3
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	(rivaroxaban)		11
VIRACEPT TABS 250 MG	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG		11
VIRACEPT TABS 625 MG	30	XARELTO TABS 15 MG		11
VIREAD POWD	30	XELJANZ SOLN		2
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30	XELJANZ TABS 10 MG		2
VISTOGARD	17	XELJANZ TABS 5 MG		2
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	65	XELJANZ XR TB24		2
VITATHELY WITH GINGER TABS 55		XEOMIN		55
VITRAKVI CAPS	26	XHANCE EXHU		55
VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 200 MG		21
VIZIMPRO	24	XIFAXAN 550 MG		21
VORAXAZE	27	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)		15
voriconazole TABS	18	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG		15
VOSEVI	31	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG		15
warfarin sodium TABS	11	XOSPATA		26
water for irrigation, sterile	53	XTANDI CAPS		25
WESTAB PLUS TABS	55	XTANDI TABS 40 MG		25
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	50	XTANDI TABS 80 MG		25
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	50	XULTOPHY		15
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	50	YERVOY		24
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	50	YESINTEK 130 MG/26ML		46
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	50	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML		39
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	50	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML		39
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	50	YESINTEK SOSY 90 MG/ML		39
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	50	YONSA		25
XALKORI CAPS	26	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML		3
XARELTO STARTER PACK TBPK 11		YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80		

ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 43	
ZOLINZA	26
zolmitriptan SOLN	52
zolmitriptan TABS	52
zolmitriptan TBDP	52
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	47
ZORBTIVE SC	43
ZYDELIG	26
ZYLET	57

Ambetter from Louisiana Healthcare Connections is underwritten by Ambetter Health of Louisiana, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Louisiana Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Ambetter Health of Louisiana, Inc., AmbetterHealth.com/en/la. For information on your right to receive an Ambetter from Louisiana Healthcare Connections plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Louisiana Healthcare Connections được bảo lãnh bởi Ambetter Health of Louisiana, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Louisiana. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Ambetter Health of Louisiana, Inc., AmbetterHealth.com/en/la. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Louisiana Healthcare Connections mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.